TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2020/QĐST- HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 31 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thu N.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành M.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 55,58, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 23 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Thu N và anh Nguyễn Thành M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con: Giao cháu Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2011 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2014 cho chị Phạm Thị Thu N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành M có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đối với cháu A và cháu D là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu A và cháu D đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Phạm Thị Thu N và anh Nguyễn Thành M không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Thu N có đơn yêu cầu thi hành án anh M không thi hành hết khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2. Về tài sản: Chị Phạm Thị Thu N và anh Nguyễn Thành M không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu N nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, nhưng đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0002165 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Hữu Ý

Nơi gửi :
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND huyện Yên Khánh.*
- *THA DS huyện Yên Khánh.*
- *UBND xã T.*
- *Đương sự*
- *L- u hồ sơ vụ án*